

Bản án số: 284/2024/DS-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2024
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phi và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLPT-DS ngày 04/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

1.2. Ông Nguyễn La Thanh T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng X, sinh năm 1997, địa chỉ liên lạc: Số B, N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/5/2024). Số điện thoại: 0356.714.673

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đoàn Thái P, sinh năm 1991;

2.2. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1971;

Cùng cư trú: Tổ A, khóm D, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0868 009 339 - 0918 893 939

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1.

Tại phiên tòa có mặt bà Phan Thị Hồng X; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa:

Ông T1, bà T là chủ sở hữu chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 68A – 109.36, nhãn hiệu Hyundai, số máy G4LCJD137.132, số loại BAJN, loại xe ô tô con, màu bạc, số loại Accent, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 021675 do Phòng C Công an tỉnh K cấp ngày 09/10/2018.

Ông, bà có quen với ông P từ trước, tháng 02/2022 P có nhu cầu thuê xe để đi lại, kinh doanh nên ông, bà đồng ý cho thuê lại với giá 6.000.000/tháng. Đến tháng 5/2022 ông P mua lại chiếc xe với giá 320.000.000 đồng, đã giao xe và giấy tờ xe cho xong. Sau khi bán xong thì ông P xin thêm thời gian để trả nợ nhưng không thực hiện.

Ngày 27/12/2022 ông, bà có đến nhà ông P và gặp mẹ ông P là bà N trình bày sự việc. Bà N1 cam kết trả thay ông P số tiền 320.000.000 đồng với phương thức trả 02 đợt: Đợt 1 trả 80.000.000 đồng, đã thực hiện xong ngày 27/12/2022; Đợt 2 trả 240.000.000 đồng vào ngày 30/12/2023. Tháng 5 năm 2023 ông, bà có liên hệ bà N1 về cách thức trả tiền thì bà N1 cho rằng mất khả năng thanh toán, không thực hiện trả nợ.

Nay ông T1, bà T yêu cầu ông P, bà N1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua bán là 240.000.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Giấy xác nhận ngày 27/12/2022 do bà N1 ký tên cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn bà N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Thiện P1, ông N2 là bạn bè. Ông N2 đến nhà bà nói rằng P1 đã mua xe của T, T1 mà không trả tiền và bán cho người khác vì vậy T, T1 đã khởi tố P1 đến Công an thành phố C; để P1 không phải ở tù thì N2 kêu bà phải đứng ra trả tiền giúp P1. Bà có đưa cho N2 (bằng hình thức chuyển khoản) trả cho T1, T số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi bà chuyển tiền N2 kêu bà ký tên vào giấy trắng với mục đích cho P1 mượn 80.000.000 đồng để trả nợ cho T, T1, số tiền còn lại 240.000.000 đồng Phát sẽ tự trả cho vợ chồng T, T1 để T, T1 không thừa kiện P1 nữa. Bà đồng ý ký tên vào Giấy tập học sinh do ông N2 đưa không có nội dung, còn nội dung ai ghi thì bà không biết.

Thời gian sau T, T1 lên nhà bà hỏi nợ của P1 khi nào trả bà nói không nợ T, T1. Việc làm ăn T, T1 và P1 thế nào thì tự tính bà đã cho P1 mượn 80.000.000 đồng, không có tiền cho mượn nữa. T, T1 nói nếu bà không trả thay thì sẽ khởi kiện đến Tòa án.

Bà xác định chỉ là người cho P1 mượn tiền để trả nợ cho T, T1. Việc T, T1 làm ăn với P1 như thế nào thì bà không biết và cũng không đứng ra bảo lãnh, nếu bảo lãnh thì các bên đứng ra đối mặt và đồng ý với nhau. Bà không đồng ý trả tiền bảo lãnh.

Người làm chứng ông Phan Hoài N2 trình bày: Ông là bạn bè chơi thân với T1, P1 từ nhỏ, ông gọi bà N1 bằng má. Vụ việc ông P1 mua xe của T1, T và bán lại cho người khác ông có biết. Giấy xác nhận ngày 27/12/2022 là do ông ghi theo ý kiến của bà N1, bà N1 đồng ý bảo lãnh trả nợ cho P1 số tiền 320.000.000 đồng, trả được 80.000.000 đồng còn lại 240.000.000 đồng chưa trả. Bà N1 cho rằng có ký tên vào giấy xác nhận mà không đọc lại nội dung là không đúng.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn La Thanh T1, bà Nguyễn Kim T.

Buộc ông Đoàn Thái P trả cho ông T1, bà T số tiền 240.000.000 (hai trăm, bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N liên đới trả nợ cùng với ông P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1; Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1 trong hạn luật định, có tạm nộp án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán xe giữa nguyên đơn và ông P đã hoàn tất thủ tục mua bán, ông P đã nhận xe sử dụng, nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền.

Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ nhưng chỉ nhận được lời hứa mà không thực hiện nên có yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N (mẹ ông P) cam kết trả nợ thay cho ông P nếu không sẽ chuyển vụ án sang Công an thành phố C xử lý hình sự. Bà N1 có ký vào giấy xác nhận ngày 27/12/2022 bảo lãnh cho ông P và có thực hiện trả số tiền 80.000.000 đồng, số nợ còn lại 240.000.000 đồng chưa thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc mua bán xe ô tô giữa nguyên đơn và ông P thì bà N1 không biết và không biết xe ô tô mà hai bên mua bán là bao nhiêu tiền, chỉ nghe bên nguyên đơn nói lại. Khi bà N1 ký giấy vay tiền ngày 27/12/2022 không có mặt ông P.

Cho thấy số tiền 80.000.000 đồng mà bà N3 trả cho nguyên đơn là mang tính hỗ trợ, giúp cho con trả nợ chứ bà N1 không có vay nợ theo tiêu đề giấy xác nhận ngày 27/12/2022 ghi và không mang tính chất bảo lãnh. Do đó nguyên đơn yêu cầu bà N1 liên đơn cùng ông P trả nợ là chưa có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ chứng cứ để xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà N1 cùng liên đới trả nợ là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn La Thanh T1, bà Nguyễn Kim T.

Buộc ông Đoàn Thái P trả cho ông T1, bà T số tiền 240.000.000 (hai trăm, bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N liên đới trả nợ cùng với ông P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông T1, bà T số tiền 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003520 ngày 18/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bị đơn ông Đoàn Thái P phải chịu án phí số tiền 12.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn La Thanh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0003993 và 0003992 ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu